

Bản án số: 25/2022/HS-ST

Ngày: 05/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Nữ Quyên

Ông Thẩm Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện K sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Nga - K sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ L1 số 24/2022/HS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1, Đặng Văn L, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 15/6/1972 tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu T, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn K (đã chết) và bà: Bạch Thị L, sinh năm 1933; Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1977 và 02 con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 24/2020/HSST ngày 15/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C xử phạt L số tiền 25.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong ngày 22/4/2021.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2, Hà Văn L1, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 04/5/1969 tại xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu X, xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn K (đã chết) và bà: Hà Thị D, sinh năm 1933; Vợ: Lý Thị L, sinh năm 1970 và 02 con; Tiền án: Không.

Tiền sự: Quyết định xử phạt hành chính số 24/QĐ-XPHC ngày 18/4/2021 của Công an xã M xử phạt Hà Văn L1 số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, đã chấp hành xong ngày 19/4/2021.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

3, Lý Văn T, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 18/01/1982 tại xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu X, xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Thành Đ, sinh năm 1955 và bà: Hà Thị L1, sinh năm 1955; Vợ: Bùi Thị S, sinh năm 1982 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2009 Lý Văn T bị Tòa án nhân dân huyện YL xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp T sản".

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

4, Trần Tiến T, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 28/11/1985 tại xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn D, sinh năm 1955 và bà: Vũ Thị V, sinh năm 1959; Vợ: Trần Thị Y, sinh năm 1987 và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2012 Trần Tiến T bị Tòa án nhân dân huyện Đ, TP. Hà Nội xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc".

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội (có mặt).

5, Lê Quang Y, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 12/11/1973 tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu T, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Quang N (đã chết) và bà: Đỗ Thị Đ (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/4/2022, hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 15/4/2022. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

6, Nguyễn Xuân Th, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 19/4/1986 tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu T, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Danh T, sinh năm 1965 và bà: Trần Thị T, sinh năm 1967; Vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1988 và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/4/2022, hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 15/4/2022. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

7, Cù Tiến H, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 15/5/1981 tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu T, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cù Tiến H, sinh năm 1930 và bà: Trần Thị H (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1984 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/4/2022, hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 15/4/2022. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

8, Đặng Văn K, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 02/02/1996 tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu T, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn L, sinh năm 1972 và bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1977; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1996 và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

9, Nguyễn Văn C, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 06/8/1984 tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu T, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N (đã chết) và bà: Trần Thị Th, sinh năm 1961; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

10, Nguyễn Danh C, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 12/7/1989 tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu T, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Danh H, sinh năm 1967 và bà: Trần Thị M, sinh năm 1970; Vợ: Đinh Thị H, sinh năm 1994 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

11, Nguyễn Danh T2, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 10/5/1989 tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu T, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Danh C, sinh năm 1951 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1994 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

12, Hà Mạnh P, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 21/7/1984 tại xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu R, xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Mạnh Đ (đã chết) và bà: Đinh Thị K, sinh năm 1961; Vợ: Bùi Thị T, sinh năm 1987 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

13, Lý Văn K, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 07/5/1979 tại xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu X, xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Văn B (đã chết) và bà: Hà Thị N, sinh năm 1933; Vợ: Cù Thị T, sinh năm 1978 và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

14, Lý Văn T3, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 27/02/1974 tại xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu X, xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Thành Đồng, sinh năm 1955 và bà: Hà Thị L1, sinh năm 1955; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 và 05 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/4/2022, hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 15/4/2022. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn K và Lý Văn T3: Bà Phạm Thị Thắm - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn L1 và Hà Mạnh P: Bà Hoàng Thị Thanh Hải - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn T: Bà Bùi Thị Thanh Nga - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 11/4/2022, Nguyễn Danh T2, Nguyễn Văn C, Cù Tiến H, Nguyễn Xuân Th, Lê Quang Y, Nguyễn Danh C, đều ở Khu T, xã L, huyện YL; Lý Văn K, Lý Văn T, Hà Văn L1, đều ở khu X, xã M, huyện YL; Đặng Văn L, Đặng Văn K, đều ở khu T, xã L, huyện YL; Hà Mạnh P, ở khu R, xã M, huyện YL và Trần Tiến T, ở thôn Đ, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội đến nhà Lý Văn T3, ở khu X, xã M, huyện YL để đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa, được thua bằng tiền.

Khi đến gặp T3, Đặng Văn L hỏi T3 cho mọi người đánh bạc tại nhà T3. T3 đồng ý và đưa các đối tượng vào trong phòng ngủ của nhà T3 để đánh bạc. Hà Văn L1 lấy kéo cắt 04 quân vị hình tròn một mặt màu trắng, một mặt màu vàng từ bao thuốc lá Thăng Long. Lý Văn K lấy bộ bát đĩa trong nhà của T3 sử dụng để đánh bạc. Sau đó, Lê Quang Y, Cù Tiến H, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Danh T2, Nguyễn Văn C, Hà Văn L1, Lý Văn K, Lý Văn T, Hà Mạnh P, Nguyễn Danh C, Đặng Văn L, Đặng Văn K, Trần Tiến T cùng ngồi xuống chiếc chiếu đã trải sẵn trong phòng ngủ để đánh bạc, Lý Văn T3 không tham gia đánh bạc.

Các đối tượng thống nhất quy ước hình thức đánh xóc đĩa cụ thể như sau: Hà Mạnh P là người xóc cái. Các đối tượng ngồi thành 02 dãy bên tay trái và bên tay phải của P, quy định bên tay phải P là cửa chẵn, bên tay trái P là cửa lẻ. Khi bắt đầu đánh bạc Hà Mạnh P cho 04 quân vị hình tròn vào chiếc đĩa sứ, lấy chiếc bát sứ úp vào đĩa, dùng tay cầm bát, đĩa đưa lên xóc nhiều lần rồi đặt xuống thảm. Các đối tượng còn lại ngồi chơi đoán chẵn, lẻ (*Chẵn là có 02 hoặc 04 quân bài cùng màu, lẻ là có 01 quân khác màu và 03 quân bài cùng màu ngửa lên hoặc 01 quân bài ngửa 03 quân bài khác màu úp*), đặt cược mỗi ván tối thiểu là 50.000 đồng, tối đa là 100.000 đồng. Những người chơi có thể tự đặt cược với nhau. Khi đặt cược xong, P

mở bát, nếu quân bài chắn thì người đặt cược bên lẻ thua số tiền đã đặt, người chơi bên chắn T số tiền tương ứng với số tiền đã đặt. P thu số tiền đặt cược bên thua trả cho bên T, nếu Thếu tiền thì P phải lấy tiền mình trả cho bên T, nếu số tiền thừa thì P được hưởng.

Trong lúc các đối tượng đánh bạc, Lê Quang Y lấy ra 100.000 đồng rồi đứng lên thu "tiền phế" của Nguyễn Danh T2; Cù Tiên H; Nguyễn Xuân Th; Nguyễn Danh C; Đặng Văn L mỗi người 100.000 đồng, tổng là 600.000 đồng đưa cho Lý Văn T3 nói là gửi tiền điện nước. T3 cầm tiền đúc vào túi quần.

Các đối tượng đánh bạc từ khoảng 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác của Công an huyện YL phát hiện bắt giữ được Lê Quang Y; Cù Tiên H; Nguyễn Xuân Th; Lý Văn T3, các đối tượng còn lại bỏ chạy. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 8.800.000 đồng; 04 quân vị hình tròn; 01 chiếu nhựa, 01 đĩa sứ màu trắng; 01 bát sứ màu trắng; thu của Lý Văn T3 số tiền 600.000 đồng. Sau đó Tổ công tác của Công an huyện YL đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và chuyển về Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện YL giải quyết theo thẩm quyền.

Đến ngày 14/4/2022, Nguyễn Danh T2; Nguyễn Văn C; Hà Văn L1; Lý Văn K; Lý Văn T đến Công an huyện YL đầu thú. T2 giao nộp số tiền 500.000 đồng; C giao nộp số tiền 500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc khi bỏ chạy cầm theo.

Ngày 15/4/2022 Hà Mạnh P đến Công an huyện YL đầu thú.

Ngày 19/4/2022 Nguyễn Danh C đến Công an huyện YL đầu thú và giao nộp số tiền 1.500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc khi bỏ chạy cầm theo.

Ngày 22/04/2022 Đặng Văn L, Đặng Văn K đến Công an huyện YL đầu thú, L giao nộp số tiền 1.600.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc khi bỏ chạy cầm theo.

Ngày 13/05/2022 Trần Tiến T đã đến Công an huyện YL đầu thú và giao nộp số tiền 1.350.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc khi bỏ chạy cầm theo.

Đối với Lý Văn T3 sử dụng nhà ở của mình để cho 13 người đánh bạc trong cùng một lúc mà tổng số tiền dùng đánh bạc trị giá 14.850.000 đồng, hưởng lợi 600.000 đồng, đủ yếu tố cấu thành tội "Gá bạc" theo điểm b khoản 1 Điều 322 BLHS.

Tại Cơ quan cảnh sát Điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và xác định có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

Khi tham gia đánh bạc, Lê Quang Y có 3.000.000 đồng, nộp tiền phế 100.000 đồng. Nguyễn Xuân Th có 3.000.000 đồng, nộp tiền phế 100.000 đồng; Cù Xuân H có 2.000.000 đồng, nộp tiền phế 100.000 đồng; Nguyễn Danh T2 có 600.000 đồng, nộp tiền phế 100.000 đồng; Nguyễn Danh C có 1.000.000 đồng, nộp tiền phế 100.000 đồng; Đặng Văn L có 1.200.000 đồng, nộp tiền phế 100.000 đồng; Nguyễn Văn C có 1.000.000 đồng; Hà Văn L1 có 500.000 đồng; Lý Văn T có 200.000 đồng; Hà Mạnh P có 450.000 đồng; Đặng Văn K có 1.500.000 đồng; Trần Tiến T có 400.000 đồng; Lý Văn K có 600.000 đồng (*khi tham gia đánh bạc K không mang theo tiền, trong lúc các đối tượng đánh bạc thấy Nguyễn Danh T2 và Trần Tiến T T bạc, K xin của T2 200.000 đồng, xin của T 400.000 đồng để đánh bạc*). Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của các đối tượng là 14.850.000 đồng.

Cáo trạng số 23/CT-VKS-YL ngày 30/6/2022 của Viện K sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Lê Quang Y, Nguyễn Xuân Th, Cù Tiến H, Nguyễn Văn C, Đặng Văn K, Đặng Văn L, Nguyễn Danh C, Nguyễn Danh T2, Hà Văn L1, Lý Văn T, Lý Văn K, Hà Mạnh P và Trần Tiến T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS. Truy tố Lý Văn T3 về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện K sát nhân dân huyện YL vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Lê Quang Y, Nguyễn Xuân Th, Cù Tiến H, Nguyễn Văn C, Đặng Văn K, Đặng Văn L, Nguyễn Danh C, Nguyễn Danh T2, Hà Văn L1, Lý Văn T, Lý Văn K, Hà Mạnh P và Trần Tiến T phạm tội “Đánh bạc”. Bị cáo Lý Văn T3 phạm tội “Gá bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Đặng Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Lý Văn T3 từ 18 tháng đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng đến 48 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lý Văn T và Trần Tiến T: Xử phạt Lý Văn T, Trần Tiến T mỗi bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Cù Tiến H và Nguyễn Xuân Th: Xử phạt Cù Tiến H, Nguyễn Xuân Th từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 04 ngày tạm giữ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Hà Văn L1, Hà Mạnh P, Lý Văn K, Lê Quang Y, Nguyễn Danh C, Nguyễn Văn C, Đặng Văn K, Nguyễn Danh T2: Xử phạt: Hà Văn L1 từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Hà Mạnh P, Lý Văn K, Lê Quang Y từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo Y được trừ 04 ngày tạm giữ. Nguyễn Danh C, Nguyễn Văn C, Đặng Văn K, Nguyễn Danh T2 mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ một phần thu nhập bằng 5%/ tháng đối với các bị cáo Lê Quang Y, Nguyễn Xuân Th, Cù Tiến H, Đặng Văn K, Nguyễn Văn C, Nguyễn Danh C, Nguyễn Danh T2, Hà Văn L1, Lý Văn T, Hà Mạnh P, Lý Văn K, Trần Tiến T để sung quỹ nhà nước.

Buộc các bị cáo phải chấp hành lao động phục vụ cộng đồng theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo T, L1, T, P, K, Y, H, C, K, T2, L, T3 đều không có T sản riêng, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo Th và C có T sản riêng nên C phạt mỗi bị cáo số tiền 25.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo, mỗi người chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo T3, K: Nhất trí với tội danh mà K sát viên đã luận tội và tình tiết giảm nhẹ như K sát viên đã đề nghị. Bị cáo là dân tộc Thều số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phạt bị cáo mức án đầu khung hình phạt của Viện K sát để bị cáo cải tạo, giáo dục trở thành người công dân tốt cho xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo L1, P: Nhất trí với tội danh mà K sát viên đã luận tội và tình tiết giảm nhẹ như K sát viên đã đề nghị. Bị cáo là dân tộc Thều số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phạt các bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội nhằm trở thành người công dân tốt cho xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo T (gửi bài luận cứ bào chữa): Bị cáo là dân tộc Thều số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo, giáo dục trở thành người công dân tốt cho xã hội.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện YL, Điều tra viên, Viện K sát nhân dân huyện YL, K sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là có cùng nhau tham gia đánh bạc, được thua bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa, thời gian vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 11/4/2022, tại nhà của Lý Văn T3 ở khu X, xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ, các bị cáo đánh bạc liên tục đến 13 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác của Đội CSĐT- Công an huyện YL phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là 14.850.000 đồng, đủ yếu tố cấu thành tội phạm như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn các bị cáo đều là người thực hành. Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các T liệu khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vậy có đủ căn cứ pháp L1 để kết luận các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

Riêng đối với Lý Văn T3 sử dụng nhà ở của mình để cho 13 người đánh bạc trong cùng một lúc mà tổng số tiền dùng đánh bạc trị giá 14.850.000 đồng, hưởng lợi 600.000 đồng, đủ yếu tố cấu thành tội "Gà bạc" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện K sát đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định: “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Tại Điều 322 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên..;

+ Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, hơn nữa đánh bạc là tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, điều kiện để nhận thức và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật, có hiểu biết xã hội nhưng không chịu lao động làm ăn lương Thận, rèn luyện bản thân, mà coi thường pháp luật, vì vậy C phải xử lý các bị cáo trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xong khi quyết định hình phạt C xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo Nguyễn Danh T2, Nguyễn Văn C, Lý Văn K, Nguyễn Danh C, Đặng Văn K, Hà Mạnh P, Hà Văn L1, Lê Quang Y, Cù Tiến H, Nguyễn Xuân Th vì phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo Hà Văn L1 còn được hưởng thêm 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS đó là bị cáo ra đầu thú, gia đình có công với cách mạng và là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo Lý Văn K và Hà Mạnh P được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS đó là đầu thú và là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Các bị cáo Nguyễn Danh T2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Danh C, Đặng Văn K đều được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS đó là đầu thú. Bị cáo Lê Quang Y được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS đó là gia đình bị cáo có công với cách mạng. Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, xét thấy chưa C cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa P cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt. Tuy nhiên các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền khác nhau nên mức hình phạt áp dụng là khác nhau.

Đối với bị cáo Lý Văn T và Trần Tiến T bản thân không có tiền án, tiền sự nhưng nhân thân đã một lần vi phạm pháp luật và bị xử phạt bằng bản án của Tòa án, nhân thân xấu, tuy nhiên lần phạm tội này các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải và sau khi phạm tội ra đầu thú, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, ở địa P chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, nên xét thấy chưa C cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa P nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người tốt.

Đối với bị cáo Đặng Văn L bản thân đã một lần vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xử phạt tiền về hành vi cùng loại, chưa được xóa án tích, nhưng không lấy đó làm bài học cho chính mình nay lại vi phạm, điều đó chứng tỏ bị cáo không chịu lao động, cải tạo làm ăn lương Thận mà tiếp tục tái phạm nên C cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt. Lần phạm tội này bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú, theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS, tuy nhiên bị cáo cũng phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm theo điểm h khoản 1 điều 52 BLHS.

Bị cáo Lý Văn T3 bản thân chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng và là người dân tộc Thểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản Điều 51 BLHS và 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng và luôn chấp hành pháp luật của nhà nước, quy định của địa P, tích cực ủng hộ các quỹ, các phong trào của địa P, Trên cơ sở thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, cũng như thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật hình sự đối với người phạm tội. Do vậy chưa C cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” và khoản 3 điều 322 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”.

Xét thấy các bị cáo T, L1, T, P, K, Y, H, C, K, T2, L, T3 đều không có T sản riêng, thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Th và C có T sản riêng nên C phạt bổ sung mỗi bị cáo 25.000.000 đồng, để sung quỹ nhà nước.

Đối với các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ đều có nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập bình quân khoảng 2.500.000 đồng/tháng, vì vậy trong thời gian chấp hành hình phạt buộc các bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ về cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo là 5% để sung quỹ nhà nước.

[3] Về vật chứng của vụ án: Xét thấy các vật chứng gồm: 01 chiếc chiếu bằng nhựa màu đỏ, 04 quân vị hình tròn, 01 bộ bát sứ; 01 đĩa sứ đã bị vỡ thành nhiều mảnh, 01 chiếc kéo bằng kim loại tay cầm bằng nhựa và số tiền 14.850.000 đồng.

Đây là vật, tiền các bị cáo dùng vào việc thực hiện tội phạm (làm công cụ phạm tội), đều là vật đã cũ và không còn giá trị sử dụng nên C tịch thu tiêu hủy, còn tiền thì tịch thu sung quỹ nhà nước.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của K sát viên, người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lý Văn T3.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Văn L.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lý Văn T và Trần Tiến T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Cù Tiến H và Nguyễn Xuân Th.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Hà Văn L1, Hà Mạnh P, Lý Văn K, Lê Quang Y, Nguyễn Danh C, Nguyễn Văn C, Đặng Văn K và Nguyễn Danh T2.

Tuyên bố bị cáo Lý Văn T3 phạm tội "Gá bạc".

Tuyên bố các bị cáo: Đặng Văn L, Lý Văn T, Trần Tiến T, Cù Tiến H, Nguyễn Xuân Th, Hà Văn L1, Hà Mạnh P, Lý Văn K, Lê Quang Y, Nguyễn Danh C, Nguyễn Văn C, Đặng Văn K, Nguyễn Danh T2 phạm tội "Đánh bạc".

- Xử phạt bị cáo Lý Văn T3 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lý Văn T3 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn L 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt Hà Văn L1 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao Hà Văn L1 cho UBND xã M, huyện YL, Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo L1 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Lý Văn T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao Lý Văn T cho UBND xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ giám

sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Trần Tiến T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã V, huyện Đ, TP Hà Nội được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao Trần Tiến T cho UBND xã V, huyện Đ, TP Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Xử phạt Nguyễn Xuân Th 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 04 ngày tạm giữ (từ ngày 11/4/2022 đến ngày 15/4/2022) quy đổi thành 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Th còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã L, huyện YL, Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao Nguyễn Xuân Th cho UBND xã L, huyện YL, Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo Th có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Xử phạt Hà Mạnh P 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao Hà Mạnh P cho UBND xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo P có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Xử phạt Lý Văn K 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao Lý Văn K cho UBND xã M, huyện YL, Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo K có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Xử phạt Lê Quang Y 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 04 ngày tạm giữ (từ ngày 11/4/2022 đến ngày 15/4/2022) quy đổi thành 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Y còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã L, huyện YL, Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao Lê Quang Y cho UBND xã L, huyện YL, Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo Y có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Cù Tiến H 14 (Mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 04 ngày tạm giữ (từ ngày 11/4/2022 đến ngày 15/4/2022) quy đổi thành 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo H còn phải chấp hành 13 (Mười ba) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã L, huyện YL, Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao Cù Tiến H cho UBND xã L, huyện YL, Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Xử phạt Nguyễn Danh C 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã L, huyện YL, Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao Nguyễn Danh C cho UBND xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo C có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Xử phạt Nguyễn Văn C 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao Nguyễn Văn C cho UBND xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo C có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Xử phạt Đặng Văn K 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao Đặng Văn K cho UBND xã L, huyện YL, Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo K có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Xử phạt Nguyễn Danh T2 9 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao Nguyễn Danh T2 cho UBND xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo T2 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo: Lê Quang Y, Nguyễn Xuân Th, Cù Tiến H, Đặng Văn K, Nguyễn Văn C, Nguyễn Danh C, Nguyễn Danh T2, Hà Văn L1, Lý Văn T, Hà Mạnh P, Lý Văn K, Trần Tiến T là 05% bằng 125.000đ (Một trăm hai mươi lăm nghìn đồng)/tháng/người, để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ được thực hiện hàng tháng cho đến khi chấp hành xong hình phạt.

Trường hợp các bị cáo không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ trong cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. (không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng).

Trong thời gian chấp hành hình phạt, các bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo: Nguyễn Xuân Th 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và Nguyễn Danh C 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ đối với các bị cáo

Lê Quang Y, Nguyễn Xuân Th, Cù Tiến H, Nguyễn Văn C, Đặng Văn K, Nguyễn Danh C, Nguyễn Danh T2, Hà Văn L1, Lý Văn T, Lý Văn K, Hà Mạnh P, Lý Văn T3 và Trần Tiến T.

- Căn cứ khoản 4 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự: Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Đặng Văn L kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu bằng nhựa màu đỏ, 04 quân vị hình tròn, 01 bộ bát sứ; 01 đĩa sứ đã bị vỡ thành nhiều mảnh, 01 chiếc kéo bằng kim loại tay cầm bằng nhựa.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 14.850.000đ (Mười bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 05/7/2022).

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L1 và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đặng Văn L, Lê Quang Y, Nguyễn Xuân Th, Cù Tiến H, Nguyễn Văn C, Đặng Văn K, Nguyễn Danh C, Nguyễn Danh T2, Hà Văn L1, Lý Văn T, Lý Văn K, Hà Mạnh P, Lý Văn T3 và Trần Tiến T, mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện + tỉnh;
- Cơ quan CSĐT CA huyện;
- Cơ quan THAHS CA huyện;
- Chi cục THADS; THAHS;
- Các Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu HS,VP (26b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Phạm Tuấn Anh